

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 224/2020/DS-PT  
Ngày 24/12/2020  
V/v: “Đòi tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bằng.

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Kim Khánh và Bà Đinh Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Quang Hùng, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2020/TLPT-DS, ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Kiên đòi tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2019/QĐ-PT, ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Chí W; trú tại: TDP 5, E, thành phố Q, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Đại diện ủy quyền: Bà Trương Thị R; trú tại: 220/5 T, E, thành phố Q, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Văn Y; trú tại: Tổ 4, khối 5, E, thành phố Q, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn U.

Đại chỉ: 02 I, phường O, thành phố Q, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà Trịnh Thị P; trú tại: Hẻm 220, tổ 4, khối 5, E, thành phố Q, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trương Thị R trình bày:** Ngày 06/9/2012 ông Phạm Chí W có cho ông Mai Văn Y vay số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) để làm ăn, việc vay mượn giữa hai bên không có thể chấp cũng không lập giấy tờ gì mà ông W chỉ chuyển tiền qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Đại học Tây Nguyên cho ông Mai Văn Y để ông Y nhận bằng chứng minh nhân dân tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lộc – Hải Dương. Hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3,5%/tháng và thời hạn trả nợ chậm nhất là hai tháng sau khi vay tiền.

Đến hạn trả nợ ông W nhiều lần yêu cầu ông Mai Văn Y trả số tiền trên nhưng ông Y không trả, ông Y chỉ trả được cho ông W số tiền 1.000.000 đồng lãi (Số tiền này ông Y không trực tiếp trả mà nhờ mẹ là bà Trịnh Thị P mang sang nhà đưa cho ông W nói là phụ ông W trả lãi Ngân hàng).

Đến nay ông Mai Văn Y vẫn không trả số tiền nợ nói trên cho ông W. Vì vậy ông W đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn Y có trách nhiệm trả cho ông W số tiền 120.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

**\* Bị đơn ông Mai Văn Y trình bày:** Năm 2012 ông W có chuyển cho tôi số tiền 120.000.000 đồng như bà R đã trình bày. Tuy nhiên, mục đích chuyển tiền của ông W là gửi cho tôi nhờ tôi rút để đưa cho bà Nguyễn Thị A (là vợ cũ của tôi) để làm ăn. Việc làm ăn của bà A với ông W, bà R tôi không biết và không tham gia. Năm 2016 tôi và bà A đã ly hôn nên tôi không có liên quan gì đến số tiền nói trên nữa. Bản thân tôi không vay mượn tiền của ông Phạm Chí W nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông W. Việc tôi rút tiền giao cho bà Nguyễn Thị A tôi không có chứng cứ gì và cũng không có việc tôi nhờ mẹ tôi là bà Trịnh Thị P trả tiền cho ông W như bà R đã khai. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị A bỏ đi làm ăn ở nơi khác, chúng tôi không liên hệ nên hiện nay tôi không có thông tin gì của bà A để cung cấp cho Tòa án.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị P trình bày:** Tôi có quan hệ là mẹ đẻ của ông Mai Văn Y. Từ trước đến nay tôi hoàn toàn không biết gì về mối quan hệ làm ăn vay mượn giữa ông Mai Văn Y với ông Phạm Chí W. Tôi cũng chưa bao giờ được ông Mai Văn Y nhờ mang tiền để trả cho ông Phạm Chí W như ông W và bà R đã khai.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 163, Điều 256 BLDS 2005

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Chí W, buộc ông Mai Văn Y phải trả cho ông Phạm Chí W số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất chậm trả phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/9/2020, ông Mai Văn Y kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm đồng thời không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***\*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về hình thức kháng nghị: Đảm bảo thời hạn và hình thức theo quy định của pháp luật nên có căn cứ xem xét và giải quyết.

Về nội dung: Người kháng cáo đưa ra yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Phạm Chí W, tuy nhiên, người kháng cáo, ông Mai Văn Y không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn Y, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 84/2020/DS-PT ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Mai Văn Y được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

**[2] Về nội dung:**

Ngày 06/9/2012, ông Phạm Chí W có chuyển cho ông Mai Văn Y số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Đại học Tây Nguyên cho ông Mai Văn Y để ông Y nhận bằng chứng minh nhân dân tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lộc – Hải Dương.

Xét kháng cáo của ông Mai Văn Y, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn: ông Mai Văn Y trình bày: năm 2012, ông W có chuyển cho ông Y số tiền 120.000.000 đồng như bà R đã trình bày là đúng; Mặt khác, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Đại học Tây Nguyên cung cấp chứng từ giao dịch ngày 06/9/2012 (Bút lục số 40), theo chứng từ khách hàng được thụ hưởng là ông Mai Văn Y. Như vậy, việc ông Phạm Chí W chuyển cho ông Mai Văn Y số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch Đại học Tây Nguyên là có thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Y trình bày mâu thuẫn đối với mục đích của việc ông W chuyển tiền cho ông Y. Tại các bản tự khai và biên bản hòa giải (Bút lục 22 và bút lục 29) ông Y trình bày năm 2012 ông W có chuyển một số tiền vào chứng minh nhân dân của ông Y và nhờ ông Y rút trả tiền cho người khác ngoài Hải Dương, ông Y không quen biết người này; tại Biên bản đối chất ngày 24/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Y lại trình bày mục đích

chuyển tiền của ông W là gửi cho ông Y nhờ ông Y rút để đưa cho bà Nguyễn Thị A (là vợ cũ của Y) để làm ăn. Mặt khác, ông Y không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình. Không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông Y về mục đích chuyển tiền.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Chí W là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn Y yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm đồng thời bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 84/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mai Văn Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 144; Điều 220; Điều 227; Điều 271; 272; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 163; Điều 256 BLDS 2005

Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Chí W, buộc ông Mai Văn Y phải trả cho ông Phạm Chí W số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án ( đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của BLDS năm 2015.

[3] Về án phí: Ông Mai Văn Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Mai Văn Y đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2019/0012889 ngày 17/9/2020.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền lợi yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND t.p Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS t.p Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Bằng**